TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 22/2020/QĐST-HNGĐ	*Tp. Sóc Trăng, ngày 18 tháng 02 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 10/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2020 về việc "Công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:* Ông **Nguyễn Ngọc H,** sinh năm 1960

Địa chỉ: Số 5/4, đường CBQ, phường AL, quận NK, Thành phố Cần Thơ.

- *Người yêu cầu:* Bà **Nguyễn Thị Phương H,** sinh năm 1971

Địa chỉ: Số 97, khu D 586, đường THĐ, khóm H, phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Tạm trú: Số 235, đường THĐ, khóm T, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị Phương H tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 27/12/2002. Trong thời gian chung sống, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Vợ chồng không còn sống chung với nhau từ năm 2014 đến nay. Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông H và bà H đã đến mức trầm trọng, vợ chồng đã không còn chung sống, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đời

sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, công nhận sự thuận tình ly hôn của ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị Phương H.

[2]. Về con chung: Con chung là Nguyễn Thế A, sinh ngày 06/9/2001 hiện nay, đã trưởng thành có khả năng lao động, nên ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị Phương H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu.

[4]. Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Ngọc H đồng ý chịu lệ phí ly hôn là 150.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Phương H đồng ý chịu lệ phí ly hôn là 150.000 đồng. Xét thấy, việc thỏa thuận của ông bà phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên có cơ sở chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị Phương H, sinh năm 1971 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Con chung là Nguyễn Thế A, sinh ngày 06/9/2001 hiện nay đã trưởng thành có khả năng lao động, nên không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị Phương H trình bày: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị Phương H trình bày: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Ngọc H đồng ý chịu lệ phí ly hôn là 150.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Phương H đồng ý chịu lệ phí ly hôn là 150.000 đồng. Sau khi khấu trừ số tiền tạm ứng lệ phí 150.000 đồng ông H đã nộp theo biên lai thu số 0001625 và số tiền tạm ứng lệ phí 150.000 đồng bà H đã nộp theo biên lai thu số 0001626 cùng ngày 03/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự

thành phố Sóc Trăng. Ông H, bà H đã nộp xong lệ phí sơ thẩm.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND-TPST;
- Chi cục THADS-TPST;
- Tòa án nhân dân TST;
- UBND phường 2, TPST;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN
Đã ký

Lý Bích Khiếm